Ký bởi: Ủy ban Nhân dân thị xã Bỉm Sơn
Email: bimson@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 25.10.2018 16:03:05

UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2217 /UBND-QLĐT V/v cung cấp thông tin về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	*Bỉm Sơn, ngày 25 tháng 10 năm 2018*

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 6262/SXD-HT ngày 23/10/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc cung cấp thông tin về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Uỷ ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn cung cấp thông tin về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn như sau:

- Dân số và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. *(theo biểu mẫu Bảng số 01 kèm theo).*

- Cơ sở đốt, bao gồm cả các lò đốt có quy mô nhỏ năm 2017. *(theo biểu mẫu Bảng số 03 kèm theo).*

- Bãi chôn lấp năm 2017. *(theo biểu mẫu Bảng số 04 kèm theo).*

- Dự án đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn (bao gồm cả bãi chôn lấp) đang kêu gọi đầu tư, đang đầu tư. *(theo biểu mẫu Bảng số 05 kèm theo).*

- Quy hoạch xử lý (quản lý) chất thải rắn đã được phê duyệt. *(theo biểu mẫu Bảng số 06 kèm theo).*

- Phân loại chất thải tại nguồn. *(theo biểu mẫu Bảng số 08 kèm theo).*

- Tổng ngân sách của thị xã cho quản lý chất thải rắn. *(theo biểu mẫu Bảng số 09 kèm theo).*

- Những vấn đề khó khăn về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của thị xã. *(theo biểu mẫu Bảng số 10 kèm theo).*

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo, cung cấp thông tin về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn và các nội dung liên quan gửi Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND TX (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tống Thanh Bình

Bảng 8. Phân loại chất thải tại nguồn

8-1: Hiện trạng thực hiện phân loại chất thải tại nguồn (Có thể lựa chọn nhiều câu trả lời)

1. Đã thực hiện phân loại chất thải tại nguồn
2. Đang xây dựng đề án/ kế hoạch thực hiện Phân loại chất thải tại nguồn
3. Chưa xây dựng kế hoạch thực hiện phân loại chất thải tại nguồn

↓ Chỉ lựa chọn nhiều hơn một phương án đối với Phương án 1 và Phương án 2

Nếu chọn Phương án 1, vui lòng trả lời câu hỏi 8-2.
Nếu chọn Phương án 2, vui lòng trả lời câu hỏi 8-3.
Nếu chọn Phương án 3, vui lòng trả lời câu hỏi tại Bảng 9.

8-2: Tên khu vực và dân số khu vực đã thực hiện phân loại chất thải tại nguồn

(a) Tên khu vực đã thực hiện phân loại chất thải tại nguồn	→	(b) Các loại chất thải được phân loại	→	(c) Tổng dân số	→	(d) Triển khai phân loại chất thải tại nguồn từ khi nào?

8-3: Tên khu vực và dân số khu vực sẽ thực hiện/ mở rộng thực hiện phân loại chất thải tại nguồn

(a) Tên khu vực sẽ thực hiện/ mở rộng thực hiện phân loại chất thải tại nguồn	→	(b) Các loại chất thải được phân loại	→	(c) Tổng dân số	→	(d) Triển khai phân loại chất thải tại nguồn từ khi nào?

Bảng 9. Tổng ngân sách của Tỉnh/ thành phố cho quản lý chất thải rắn

9-1: Tổng ngân sách của Tỉnh/ Thành phố cho hoạt động bảo vệ môi trường (a) Triệu VND (2015)

9-2: Vui lòng cho biết ngân sách của Tỉnh/Thành phố dành cho quản lý chất thải rắn bao gồm trong mục (a).
Điền vào mục (b) hoặc (b')

(Nếu Quý vị biết con số chính xác. → 9-2-1: Tổng ngân sách Tỉnh/Thành phố cho quản lý chất thải rắn (b) Triệu VND (2015)

(Nếu Quý vị không biết con số chính xác. → 9-2-2: Tỷ lệ ngân sách cho QLCTR/ Tổng ngân sách của Tỉnh/Thành phố cho hoạt động bảo vệ môi trường tại (a) (b') % (2015)

9-3: Vui lòng cho biết ngân sách cho thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt bao gồm trong (a). (c) Triệu VND (2015)

Bảng 10. Phân bùn bể tự hoại

10-1: Tỉnh xử lý phân bùn bể tự hoại hay không? (Lựa chọn chỉ 1 phương án)

1. Có
2. Không

↓ Lựa chọn duy nhất Phương án 1 hoặc Phương án 2

Nếu lựa chọn Phương án 1 (Có), vui lòng trả lời Câu hỏi 10-2 và 10-3.
Nếu lựa chọn Phương án 2 (Không), vui lòng trả lời Câu hỏi 10-3b

10-2: Lượng phân bùn bể tự hoại xử lý hàng năm (2015) tấn/năm (2015)

10-3: Số cơ sở xử lý phân bùn bể tự hoại hiện tại (năm 2015) và trong tương lai
(a) Số cơ sở xử lý hiện tại (2015) (2015)

(b) Số cơ sở xử lý trong tương lai (Tương lai)

Bảng 11. Những vấn đề về quản lý chất thải rắn nào là khó khăn nhất ở Tỉnh/Thành phố của Quý vị? Vui lòng chỉ ra các đề xuất của Quý vị tới chính quyền trung ương nếu có.

Vui lòng nêu các yêu cầu của quý cơ quan đối với trung ương?

Bảng 7. Dân số và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Đô thị cấp V

CA96	CA97	CA98	CA99	CA100	CA101	CA102	CA103	CA104	CA105
TT	Tên các thị trấn trong các đô thị/tỉnh	Dân số (người) Tổng dân số	Tỷ lệ số dân được thu gom	Khối lượng CTRSH thu gom hàng năm tại mỗi thị trấn (Điền vào cột "tấn" hoặc "m³")		Thu gom & Vận chuyển (Chỉ lựa chọn một phương án) Đơn vị thu gom & vận chuyển là: 1. Chính quyền 2. Doanh nghiệp nhà nước 3. Doanh nghiệp tư nhân 4. Hợp tác xã	(Chỉ liệt kê đơn vị chính) Tên của đơn vị thu gom và vận chuyển	Giá hợp đồng cho dịch vụ thu gom và vận chuyển (Điền vào cột "VNĐ/tấn" hoặc "VNĐ/m³")	
		(người)	(%)	(tấn/năm)	(m³/năm)			(VNĐ/tấn)	(VNĐ/m³)
1									
2									

Bảng 6. Quy hoạch xử lý (quản lý) chất thải rắn đã được phê duyệtcủa Tỉnh/Thành phố

6-1: Các khu xử lý chất thải rắn nêu trong Quy hoạch đã được phê duyệt

Cột (a)	Cột (b)	Cột (c)	Cột (d)	Cột (e)	Cột (f)
TT	Tên khu xử lý	Loại hình các khu xử lý chất thải rắn nêu trong Quy hoạch 1. Bãi chôn lấp 2. Cơ sở xử lý 3. Khu liên hợp	Tổng diện tích đất cần thiết cho khu xử lý trong giai đoạn đầu (ha)	Công suất thiết kế hàng ngày (tấn/ngày)	Tổng vốn đầu tư (Triệu VND)
1	Bãi rác Núi Voi, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn	Bãi chôn lấp	4,00		
2	Công ty Cổ phần kinh tế môi trường AE Toàn Tích Thiện	Cơ sở xử lý	10,04	150	
3					

6-2: Tỉnh/thành phố có kế hoạch điều chỉnh Quy hoạch xử lý (quản lý) chất thải rắn không? (Chỉ lựa chọn một phương án)

1. Chưa có kế hoạch điều chỉnh
2. Đang điều chỉnh
3. Có kế hoạch điều chỉnh Quy hoạch

1. Nếu lựa chọn Phương án 1; 2 hoặc 3 ở ô dưới đây:	Nếu lựa chọn Phương án 3, vui lòng trả lời Câu hỏi 6-3 Nếu lựa chọn Phương án 1 hoặc 2, vui lòng trả lời Bảng 7.

6-3: Thời gian dự kiến điều chỉnh Quy hoạch

	Tháng/Năm

Bảng 5. Dự án đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn (bao gồm cả bãi chôn lấp) đang kêu gọi đầu tư hoặc đang đầu tư

Cột 81	Cột 82	Cột 83	Cột 84	Cột 85	Cột 86	Cột 87	Cột 88	Cột 89
TT	Tên dự án	Loại hình và công nghệ áp dụng cho các cơ sở đang kêu gọi đầu tư hoặc đang đầu tư 1. Bãi chôn lấp 2. Sản xuất phân hữu cơ 3. Công nghệ đốt 4. Công nghệ khác	Nếu chọn phương án số 4 ở cột 83 hãy ghi rõ loại hình công nghệ.	Địa chỉ cơ sở	Công suất thiết kế (Tấn/ngày)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng VND)	Nguồn vốn đầu tư (Có thể lựa chọn nhiều phương án) 1. Nhà nước 2. Công ty nhà nước 3. Khối tư nhân trong nước 4. Khối tư nhân nước ngoài 5. ODA	Tiến độ của dự án 1. Đang lập dự án đầu tư 2. Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 3. Đang xây dựng
1	Cải tạo nâng cấp Bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn	Công nghệ đốt		Bãi rác Núi Voi, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn	150	38.818	Vốn Nhà nước	Đang lập Dự án đầu tư

Bảng 4. Bãi chôn lấp (2015)

Cột 54	Cột 55	Cột 56	Cột 57	Cột 58	Cột 59	Cột 60	Cột 61	Cột 62	Cột 63	Cột 64	Cột 65	Cột 66	Cột 67	Cột 68	Cột 69	Cột 70	Cột 71	Cột 72	Cột 73	Cột 74	Cột 75	Cột 76	Cột 77	Cột 78	Cột 79	Cột 80
TT	Tên bãi chôn lấp	Vị trí		Thông tin bãi chôn lấp								Khối lượng chất thải		Quản lý & Vận hành						Cấu trúc (Chỉ lựa chọn 1 phương án)						
		Vị trí (Tên thành phố/quận/huyện/thị xã)	Bãi chôn lấp phục vụ cho những đơn vị hành chính nào? Vui lòng điền số thứ tự tương ứng của thành phố/quận/thị xã/huyện ở cột 1 của Bảng 1."Dân số và khối lượng" cho mục này	Khoảng cách gần nhất từ bãi chôn lấp đến khu dân cư	Năm bắt đầu	Thời gian sử dụng còn lại	Tổng diện tích khu xử lý chôn lấp	Diện tích các ô chôn lấp	Tổng công suất thiết kế	Tổng vốn đầu tư (chỉ của bãi chôn lấp)	Đơn giá xử lý *Nếu bãi chôn lấp tích hợp trong một khu liên hợp và không có đơn giá xử lý riêng cho bãi chôn lấp, tân vui lòng điền đơn giá xử lý của khu liên hợp	Khối lượng CTR tiếp nhận một năm		(Chỉ lựa chọn 1 phương án) Đơn vị vận hành 1. Doanh nghiệp nhà nước 2. Doanh nghiệp tư nhân 3. Hợp tác xã	Tên đơn vị vận hành bãi chôn lấp	Số lần đầm nén khối CTR hàng ngày	Độ dày của một lớp chất thải hàng ngày tiếp nhận	Độ dày của lớp đất phủ (sau khi đã đầm nén)	Tần suất phun thuốc khử mùi và diệt côn trùng *Nếu 0 lần, điền "0"	Loại hình BCL 1: Hợp vệ sinh 2: Bãi đổ lộ thiên	Lớp lót 1: Có 2.Không	Thu nước rỉ rác 1: Có 2.Không	Thu khí gas 1: Có 2.Không	Xử lý nước rỉ rác 1: Có 2.Không	Trạm cân 1: Có 2.Không	Thiết bị rửa xe vận chuyển CTR 1: Có 2.Không
				(m)	(năm)	(số năm)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(VNĐ)	(VNĐ/tấn)	(tấn/năm)	(m^3/năm)			(số lần/ ngày)	(cm)	(cm)	(lần/ tuần)							
1	Bãi rác Núi Voi - phường Đông Sơn - thị xã Bỉm Sơn	Thị xã Bỉm Sơn	Thị xã Bỉm Sơn	1000	2002	Hết hạn sử dụng	40.000	16.362	40.120	4.023.163.000	49.491	23.283,35		Doang nghiệp nhà nước	Công ty CPMT&CTĐT Bỉm Sơn				3 lần/tuần	Bãi đổ lộ thiên	Có	Có	Có	Có	Không	Có

Bảng 3. Cơ sở đốt, bao gồm cả các Lò đốt có quy mô nhỏ (2015)

*Lò đốt tích hợp trong nhà máy sản xuất phân hữu cơ để đốt bã thải từ nhà máy sản xuất phân hữu cơ không bao gồm trong bảng này

Cột 37	Cột 38	Cột 39	Cột 40	Cột 41	Cột 42	Cột 43	Cột 44	Cột 45	Cột 46	Cột 47	Cột 48	Cột 49	Cột 50	Cột 51	Cột 52	Cột 53
		Vị trí								Khối lượng CTRSH			Vận hành & quản lý			
TT	Tên cơ sở xử lý	Địa điểm của cơ sở xử lý (Tên thành phố/quận/thị xã/huyện)	Cơ sở xử lý phục vụ cho những đơn vị hành chính nào? Vui lòng điền số thứ tự tương ứng theo cột 1 ở Bảng 1 "Dân số và Khối lượng" cho mục này	Năm bắt đầu hoạt động (năm)	Tổng diện tích của cơ sở xử lý (m^2)	Mật độ xây dựng (%) = Diện tích các hạng mục công trình xây dựng / Tổng diện tích x 100 (%)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Tổng vốn đầu tư chi của cơ sở đốt/lò đốt) (Triệu VNĐ)	Đơn giá xử lý *Nếu là đốt tích hợp trong một khu liên hợp hoặc với Công nghệ khác và không có đơn giá xử lý riêng cho lò đốt, xin vui lòng điền đơn giá xử lý của khu liên hợp (VND/tấn)	Khối lượng CTR tiếp nhận một năm *Trong trường hợp không có số liệu về khối lượng hàng năm, vui lòng sử dụng công thức: Khối lượng trung bình một ngày x số ngày vận hành một năm (tấn/năm)	Tỷ lệ tái chế = Khối lượng chất thải tái chế phân loại trước khi xử lý / Khối lượng tổng chất thải tiếp nhận tại cơ sở x 100 (%)	Tỷ lệ bã thải = Khối lượng bã thải (bao gồm cả tro) / Khối lượng tổng chất thải tiếp nhận tại cơ sở x 100 (%)	(Chỉ lựa chọn một đáp án) Đơn vị vận hành 1. Doanh nghiệp nhà nước 2. Doanh nghiệp tư nhân 3. Hợp tác xã	Tên của đơn vị vận hành lò đốt	(Chỉ lựa chọn một đáp án) Trạm cân 1. Có 2. Không	(Có thể lựa chọn nhiều đáp án) Có kế hoạch thu hồi năng lượng từ lò đốt từ nay cho đến năm 2020? 1. Phát điện 2. Cấp nhiệt cho mục đích khác 3. Không có kế hoạch
1	Công ty Cổ phần kinh tế môi trường AE Toàn Tích Thiện	Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, Thị xã Bỉm Sơn	Thị xã Bỉm Sơn	2003	100.422	20	150		320.000		10	10				Phát điện
2																

Bảng 2. Cơ sở sản xuất phân hữu cơ (2015)

CM 16	CM 17	CM 18	CM 19	CM 20	CM 21	CM 22	CM 23	CM 24	CM 25	CM 26	CM 27	CM 28	CM 29	CM 30	CM 31	CM 32	CM 33	CM 34
				Thông tin cơ sở sản xuất phân hữu cơ						Khối lượng CTRSH				Vận hành & quản lý				Phân hữu cơ
TT	Tên cơ sở xử lý	Địa điểm của cơ sở xử lý (Tên thành phố/quận/thị xã/huyện)	Cơ sở xử lý phục vụ cho những đơn vị hành chính nào? Vui lòng điền số thứ tự tương ứng theo cột 1 ở Bảng 1 "Dân số và Khối lượng" cho mục này	Năm bắt đầu hoạt động	Tổng diện tích của cơ sở xử lý	Mật độ xây dựng (%) = Diện tích các hạng mục công trình xây dựng / Tổng diện tích x 100	Công suất thiết kế	Tổng vốn đầu tư (chỉ của cơ sở sản xuất phân hữu cơ)	Đơn giá xử lý *Nếu cơ sở sản xuất phân hữu cơ tích hợp trong một khu liên hợp hoặc với công nghệ khác và không có đơn giá xử lý riêng cho cơ sở sản xuất phân hữu cơ, xin vui lòng điền đơn giá xử lý của khu liên hợp.	Khối lượng CTR tiếp nhận một năm *Trường hợp không có số liệu về khối lượng hàng năm, vui lòng sử dụng công thức: Khối lượng trung bình một ngày x số ngày vận hành một năm	Tỷ lệ CTR được tái chế tại cơ sở = (Khối lượng phân hữu cơ + Khối lượng chất thải tái chế được phân loại trước xử lý) / Tổng khối lượng chất thải tiếp nhận tại cơ sở x 100	Tỷ lệ bã thải = Khối lượng bã thải sau xử lý / Tổng khối lượng chất thải tiếp nhận tại cơ sở x 100	(Chỉ lựa chọn một đáp án) Đơn vị vận hành 1. Doanh nghiệp nhà nước 2. Doanh nghiệp tư nhân 3. Hợp tác xã	Tên của đơn vị vận hành cơ sở sản xuất phân hữu cơ	(Chỉ lựa chọn một đáp án) Trạm cân 1. Có 2. Không	Thời gian từ lúc tiếp nhận chất thải đến thành phẩm	(Chỉ lựa chọn 01 đáp án) Có lò đốt trong khu vực sản xuất phân hữu cơ để đốt bã thải từ cơ sở sản xuất phân hữu cơ không? 1. Có 2. Không	Nếu lựa chọn phương án '1. Có' trong Cột 33 vui lòng điền công suất thiết kế một ngày của lò đốt	(Có thể lựa chọn nhiều đáp án) Xử lý phân hữu cơ: 1. Bán/đưa cho người sử dụng 2. Giữ lại lưu kho vì không có khả năng tiêu thụ 3. Chôn lấp	Đơn giá của phân hữu cơ
				(năm)	(m^2)	(%)	(tấn/ng	(Triệu	(VNĐ/tấn)	(tấn/năm)	(%)	(%)			(Ngày)			(tấn/ngà		(VNĐ/tấn)
1																				
2																				
...																				

Bảng 1. Dân số và Khối lượng Chất thải rắn sinh hoạt trên toàn tỉnh/thành phố (2017)

* Vui lòng hỏi UBND các cấp nếu cần thiết.

CN1	CN2	CN3	CN4	CN5	CN6	CN7	CN8	CN9	CN10	CN11	CN12	CN13	CN14	CN15
TT	Tên địa phương (Thành phố, Quận, Thị xã, Huyện)	Cấp đơn vị hành chính	Dân số (người)		Khối lượng chất thải sinh hoạt (CTSH) hằng năm			Đơn vị thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt		Phương thức xe lý		Phí vệ sinh áp dụng ở thành phố/quận/thị xã/huyện (Chú ý: không bao gồm phí vệ sinh áp dụng cho các hộ kinh doanh		
		1. Thành phố 2. Quận 3. Thị xã 4. Huyện	Tổng dân số (Người)	Tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom (%)	Khối lượng CTSH được thu gom trong 1 năm (Điền vào 6 "tấn" hoặc "m^3") (tấn/năm)	(m^3/năm)	Khối lượng chất thải được thu gom (ở cột 6 hoặc 7) qua trạm cân? 1. 100% chất thải qua trạm cân 2. Một phần chất thải qua trạm cân 3. Không qua trạm cân	(Có thể trả lời nhiều phương án) Đơn vị thu gom/vận chuyển là: 1. Chính quyền 2. Công ty nhà nước 3. Công ty tư nhân 4. Hợp tác xã	(Chỉ trả lời đơn vị thu gom vận chuyển chính) Tên của đơn vị thu gom và vận chuyển	1. Chôn lấp (bao gồm chôn lấp lộ thiên) 2. Chế biến phân hữu cơ 3. Đốt 4. Khác	Nếu lựa chọn phương án 4 ở cột 11, vui lòng cho biết thông tin cụ thể	Thấp nhất	Cao nhất	Đơn vị? 1. VNĐ/hộ/tháng 2. VNĐ/người/tháng
3	Thị xã Bỉm Sơn	Loại III	57.632	80	23.283,4		Không qua trạm cân	- Công tác thu gom các trục đường chính: Công ty nhà nước thực hiện. - Thu gom các trục đường nhánh: Chính quyền các xã, phường thực hiện. - Vận chuyển: Công ty nhà nước thực hiện	Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Bỉm Sơn	Chôn lấp lộ thiên		12.000	18.000	VNĐ/hộ/tháng

Kính gửi: Sở Xây dựng/Sở Tài nguyên và Môi trường các Tỉnh/Thành phố

Bảng giám sát dữ liệu Quản lý Tổng hợp Chất thải rắn

Dữ liệu được thu thập qua bảng này sẽ được sử dụng để giám sát nội dung của quản lý tổng hợp chất thải rắn. Kính mong Quý Sở hiểu được tầm quan trọng của việc thu thập dữ liệu và dữ liệu sẽ được trình

Dữ liệu dựa vào dữ liệu năm 2017.

Tên Tỉnh/Thành phố		Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Người lập	Họ và Tên	Bạch Trọng Việt
	Vị trí	Phòng Quản lý đô thị
	SĐT	914995473

Danh mục các bảng hỏi

Bảng 1. Dân số và Khối lượng Chất thải rắn sinh hoạt trên toàn tỉnh/thành phố (2015)
Bảng 2. Cơ sở sản xuất phân hữu cơ (2015)
Bảng 3. Cơ sở đốt, bao gồm cả các Lò đốt có quy mô nhỏ (2015)
Bảng 4. Bãi chôn lấp (2015)
Bảng 5. Dự án đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn (bao gồm cả bãi chôn lấp) đang kêu gọi đầu tư hoặc đang đầu tư
Bảng 6. Quy hoạch xử lý (quản lý) chất thải rắn đã được phê duyệtcủa Tỉnh/Thành phố
Bảng 7. Dân số và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Đô thị cấp V
Bảng 8. Phân loại chất thải tại nguồn
Bảng 9. Tổng ngân sách của Tỉnh/ thành phố cho quản lý chất thải rắn
Bảng 10. Phân bùn bể tự hoại
Bảng 11. Những vấn đề về quản lý chất thải rắn nào là khó khăn nhất ở Tỉnh/Thành phố của Quý vị? Vui lòng chỉ ra các đề xuất của Quý vị tới chính quyền trung ương nếu có.